

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt “Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2285/TTr-SCT ngày 25/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020”, với nội dung chính như sau:

A. Quan điểm, mục tiêu, định hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp

I. Quan điểm

1. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng tăng dần cơ cấu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp tạo ra giá trị gia tăng cao, đồng thời đảm bảo thực hiện hài hòa các yêu cầu của phát triển bền vững, kết hợp chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế khác, bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Phân bố hợp lý công nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trên cơ sở phát huy lợi thế của từng địa phương, gắn với bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò của vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh (Vùng I), đồng thời tạo điều kiện phát triển cho Vùng có xuất phát điểm công nghiệp thấp

(Vùng II) trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá.

3. Phát huy vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đây là nguồn lực quan trọng, cùng với khu vực trong nước tạo sức mạnh tổng hợp, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp. Đồng thời, nâng cao vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư trong nước, tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực này trong ngành công nghiệp.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh hấp dẫn, thông thoáng, minh bạch và thân thiện cho nhà đầu tư, thu hút mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chủ lực theo định hướng chung của tỉnh đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa X, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp

- Nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn

+ Phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao: Đến năm 2020, thực hiện tư vấn, hướng dẫn phát triển thêm khoảng 20 - 30 doanh nghiệp, nâng tỷ trọng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp từ 1% năm 2015 lên khoảng 10-15% trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

+ Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Đến năm 2020, thực hiện tư vấn, hướng dẫn khoảng 50 - 80 doanh nghiệp, duy trì giá trị sản xuất công nghiệp của công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020 chiếm khoảng 22 - 25% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

- Nhóm ngành công nghiệp chủ lực

+ Ngành công nghiệp điện - điện tử: Đến năm 2020, tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ở mức 15 - 16% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 10,8%).

+ Ngành công nghiệp cơ khí: Đến năm 2020, tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ở mức 22,5 - 23,5% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 16,5%).

+ Ngành công nghiệp hoá chất, cao su, plastic: Đến năm 2020, duy trì tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ở mức 16,5 - 17,5% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 12,2%).

+ Ngành công nghiệp chế biến NSTP: Đến năm 2020, duy trì tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ở mức 19 - 20% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 21,9%).

+ Ngành dệt, may, giày dép: Đến năm 2020, duy trì tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ở mức 14 - 15% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 25,7%).

b) Chuyển dịch cơ cấu theo địa bàn (lãnh thổ)

- Vùng I: Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2020 chiếm 90-93% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 93%).

- Vùng II: Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2020 chiếm 7 - 10% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 7%).

c) Chuyển dịch cơ cấu theo khu vực kinh tế

- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2020 chiếm 83 - 87% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 83,8%).

- Khu vực có vốn đầu tư trong nước: Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2020 chiếm 13 - 17% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (năm 2015 chiếm 16,2%).

B. Nội dung Chương trình

I. Chuyển dịch cơ cấu theo nội bộ ngành công nghiệp

1. Ngành công nghiệp mũi nhọn

a) Tiêu chí xác định nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn

Ngành công nghiệp mũi nhọn là ngành giữ vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp, hiện tại ngành này có thể có tỷ trọng không cao so với ngành công nghiệp được xác định là ngành công nghiệp chủ lực, nhưng những ngành này có khả năng đóng góp lớn về trình độ khoa học công nghệ, có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, làm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao. Trong giai đoạn 2016 - 2020, nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn được xác định, gồm:

- Công nghiệp công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

- Công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ;

b) Ngành công nghiệp mũi nhọn ưu tiên phát triển

- Công nghiệp công nghệ cao: Một số ngành công nghiệp công nghệ cao ưu tiên phát triển, gồm:

- + Công nghệ thông tin.
- + Công nghệ sinh học.
- + Công nghệ vật liệu mới.
- + Công nghệ tự động hóa.

- + Công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao.
- Ngành công nghiệp hỗ trợ: Một số sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh, gồm:

- + Công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử.
- + Công nghiệp hỗ trợ ngành sản xuất lắp ráp ô tô.
- + Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo.
- + Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.

c) Nhiệm vụ chủ yếu phát triển công nghiệp mũi nhọn

- Công nghiệp công nghệ cao:

+ Thực hiện hướng dẫn các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc thành lập mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN ngày 15/11/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ “*Quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao được đầu tư tại Việt Nam; thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao*” hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận “Hoạt động ứng dụng công nghệ cao”; “Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao”; “Doanh nghiệp công nghệ cao”.

+ Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ ưu đãi đối với doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận “Hoạt động ứng dụng công nghệ cao”; “Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao”; “Doanh nghiệp công nghệ cao”.

- Công nghiệp hỗ trợ:

+ Thực hiện hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về thực hiện thủ tục, hồ sơ xác nhận ưu đãi đầu tư ngành công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

+ Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ ưu đãi đối với doanh nghiệp được cấp giấy xác nhận ưu đãi “Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ”.

+ Nghiên cứu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 theo hướng ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu nội địa với công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, nhằm tạo điều kiện cho ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh phát triển trong thời gian tới, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào công

ngành hỗ trợ từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp dân doanh quy mô nhỏ và vừa; hình thành mạng lưới sản xuất nội địa với nhiều lớp cung ứng, gồm các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế về quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

2. Ngành công nghiệp chủ lực

a) Tiêu chí xác định nhóm ngành công nghiệp chủ lực

- Ngành công nghiệp chủ lực là ngành chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp so với các ngành công nghiệp khác; có tốc độ tăng trưởng cao; có vị trí chi phối và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn ngành công nghiệp.

- Căn cứ vào thực trạng phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015, ngành công nghiệp chủ lực được xác định trong giai đoạn 2016 - 2020, gồm:

- + Ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.
- + Ngành công nghiệp cơ khí.
- + Ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin.
- + Ngành công nghiệp hoá chất.
- + Ngành công nghiệp dệt may - giày dép.

b) Định hướng phát triển ngành công nghiệp chủ lực.

- Ngành chế biến nông sản thực phẩm:

+ Phát triển công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm gắn với phát triển vùng nguyên liệu (cánh đồng mẫu lớn), vùng chăn nuôi tập trung.

+ Xây dựng và phát triển mạnh công nghệ sinh học phục vụ lĩnh vực công nghiệp chế biến, để sản xuất ở quy mô công nghiệp các sản phẩm chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng có chất lượng tốt, sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Đầu tư phát triển Trung tâm công nghệ sinh học, Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học để nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ men, vi sinh, công nghệ di truyền, tế bào, công nghệ Enzim, công nghệ môi trường vào sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất và đời sống.

+ Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm có sức cạnh tranh cao dựa trên cơ sở tăng năng suất và chất lượng sản phẩm; nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. Giảm dần tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm sơ chế, đồng thời đẩy nhanh đổi mới công nghệ chế biến tinh có giá trị gia tăng cao và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Công nghiệp cơ khí:

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong các lĩnh vực cơ khí; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cơ khí đầu tư đổi mới máy

móc thiết bị và công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu chất thải, thực hiện sản xuất sạch hơn trong ngành cơ khí chế tạo.

+ Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí như sản xuất thiết bị, phụ tùng máy móc cung ứng cho các nhà máy sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh như động cơ điện tiết kiệm năng lượng, máy xây dựng, máy nông nghiệp, sản xuất lắp ráp phương tiện vận tải.

+ Khuyến khích doanh nghiệp cơ khí quy mô lớn làm đầu mối, trung tâm liên kết, phát triển mạnh các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ chủ động liên kết, liên doanh, trở thành các nhà cung cấp linh kiện phụ tùng cho các công ty đa quốc gia, nhằm nâng cao tỷ lệ sản xuất trong nước của ngành cơ khí trên địa bàn tỉnh.

- Điện tử - công nghệ thông tin:

+ Ưu tiên thu hút dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử trong nước có nhu cầu lớn như thiết bị điện tử văn phòng, thiết bị thông tin viễn thông, điện thoại di động, linh kiện điện tử, bản mạch, máy tính và thiết bị điện tử cho công nghiệp ô tô, đóng tàu, thiết bị điện công nghiệp, điện dân dụng như máy biến thế, máy phát điện.

+ Khuyến khích thu hút đầu tư các dự án công nghệ thông tin, sản xuất phần mềm, dự án đầu tư nhà máy sản xuất, thiết kế các hệ thống bán dẫn tích hợp cao, bảng mạch tích hợp dùng cho thiết bị thông tin, máy tính, thiết bị ngoại vi, đồ điện tử.

- Công nghiệp hóa chất:

+ Thu hút có chọn lọc các dự án hóa chất, sản xuất theo công nghệ tiên tiến, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Không khuyến khích phát triển sản xuất đối với nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản; thuốc bảo vệ thực vật; phân bón vô cơ; sơn, phụ gia; chất tẩy rửa. Đối với nhóm sản phẩm không khuyến khích phát triển, cần xem xét từng dự án về công nghệ, xử lý môi trường và địa điểm đầu tư; di dời theo kế hoạch các doanh nghiệp đên khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn và kết hợp nâng cấp, đổi mới thiết bị, công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, an toàn hoá chất và bảo vệ môi trường.

+ Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, để nâng cao chất lượng sản phẩm, an toàn hoá chất và bảo vệ môi trường.

- Ngành dệt may - giày dép:

+ Tiếp tục phát triển ngành công nghiệp dệt may - giày dép theo hướng ưu tiên phát triển theo chiều sâu, hạn chế phát triển theo chiều rộng.

+ Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sản xuất ngành dệt may - giày dép theo hướng sản xuất sản phẩm cao cấp, sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu và phát triển thị trường nội địa, hạn chế gia công sản phẩm, ưu tiên phát triển sản xuất các sản phẩm từ nguồn nguyên liệu trong nước.

+ Khuyến khích đầu tư phát triển ngành công nghiệp dệt may - giày dép về địa bàn các huyện thuộc Vùng II (gồm các huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú và Định Quán), nhằm đảm bảo nguồn lao động phục vụ ngành và khai thác tiềm năng của các địa phương trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái.

3. Áp dụng sản xuất sạch hơn trong ngành công nghiệp chủ lực

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chủ lực.

b) Xây dựng, phát triển mạng lưới thông tin, nâng cấp và cập nhật cơ sở dữ liệu trang trang thông về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

c) Hỗ trợ về kỹ thuật áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp

- Hướng dẫn kỹ thuật SXSH: Hướng dẫn kỹ thuật tích hợp SXSH với các công cụ quản lý môi trường, các công cụ quản lý khác tại doanh nghiệp; Hướng dẫn kỹ thuật đánh giá SXSH; Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng báo cáo đánh giá SXSH; Hướng dẫn kỹ thuật áp dụng công nghệ SXSH,...

- Hỗ trợ những cơ sở sản xuất điển hình xây dựng mô hình thí điểm áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn, bao gồm:

+ Hỗ trợ đánh giá nhanh cơ hội SXSH; hỗ trợ đánh giá chi tiết SXSH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp: Đánh giá xác định cơ hội SXSH; đánh giá khả thi giải pháp SXSH; đánh giá và tư vấn lựa chọn công nghệ SXSH; đánh giá và tư vấn lựa chọn công nghệ, giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường.

+ Hỗ trợ xây dựng, ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất; Thực hiện kiểm toán năng lượng và lập báo cáo khả thi đề xuất các giải pháp kỹ thuật cần thiết để thực hiện tiết kiệm năng lượng.

- Nhân rộng mô hình và áp dụng trên diện rộng cho các doanh nghiệp, bao gồm: Hỗ trợ các doanh nghiệp tham quan học tập các mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn; xây dựng và phổ biến các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, các giải pháp thực hiện về sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng đồng loạt trên diện rộng.

- Mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016 - 2020.

d) Đào tạo cán bộ kỹ thuật phụ trách sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp: Thuê chuyên gia hoặc liên kết với các cơ sở giáo dục tổ chức các khóa đào tạo cán bộ kỹ thuật phụ trách sản xuất sạch hơn (cấp giấy chứng nhận) của các cơ sở sản xuất công nghiệp.

II. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo địa bàn (lãnh thổ)

1. Vùng I

a) Vùng I có thế mạnh về kết cấu hạ tầng, đặc biệt là khu công, cụm công nghiệp tập trung, thuận lợi cho phát triển công nghiệp. Vùng I được xác định gồm các địa bàn:

- Thành phố Biên Hòa.
- Huyện Nhơn Trạch.
- Huyện Long Thành.
- Huyện Trảng Bom.

Giai đoạn 2016 - 2020, tiếp tục phát huy vai trò của vùng (Vùng I) có mức tăng trưởng công nghiệp cao, tích lũy lớn, đồng thời tạo điều kiện phát triển cho Vùng II, có xuất phát điểm GTSX công nghiệp thấp trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, tạo mức tăng trưởng khá.

b) Các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển tại Vùng I

- Ngành công nghiệp cơ khí.
- Ngành công nghiệp hóa chất.
- Ngành công nghiệp điện tử.
- Công nghiệp công nghệ cao.
- Công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp của tỉnh, trong Vùng và xuất khẩu.

2. Vùng II

a) Vùng II gồm các địa bàn huyện còn lại là vùng có xuất phát điểm công nghiệp thấp, với thế mạnh nguồn lao động dồi dào với kết cấu hạ tầng tương đối hoàn chỉnh.

Giai đoạn 2016 - 2020, tập trung hỗ trợ nhiều hơn cho Vùng II, để phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp, nguồn nhân lực,... nhằm thúc đẩy vùng II có tốc độ phát triển kinh tế ngày càng cao.

b) Các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển tại Vùng II

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu ngành nông nghiệp như công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.
- Công nghiệp sử dụng nhiều lao động, nhằm giải quyết việc làm tại địa phương như dệt may giày dép.
- Công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp.
- Ngành nghề truyền thống, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp,...

III. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo khu vực kinh tế

1. Định hướng phát triển

a) Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Tận dụng tối đa nguồn lực FDI để thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế tỉnh Đồng Nai.

- Hạn chế thu hút đầu tư những lĩnh vực làm gia tăng nhập siêu, thâm dụng lao động, sử dụng không hiệu quả tài nguyên, công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

b) Khu vực kinh tế có vốn đầu tư trong nước

Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất khu vực trong nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển sản xuất kinh doanh và mở rộng mạng lưới liên kết trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

2. Một số nhiệm vụ chủ yếu

a) Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Thực hiện thu hút đầu tư nước ngoài theo hướng chọn lọc các dự án đầu tư có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ thông tin, điện tử, hóa dược, cơ khí chế tạo...

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích để thu hút các dự án đầu tư hình thành mạng lưới liên kết sản xuất, kinh doanh, các ngành công nghiệp hỗ trợ để hình thành chuỗi giá trị. Có chính sách thu hút, ưu đãi đối với các công ty FDI có kế hoạch liên kết với các doanh nghiệp trong nước về tiêu thụ, cung ứng sản phẩm.

- Rà soát và triển khai áp dụng nghiêm hệ thống quy định các yêu cầu bắt buộc về công nghệ, chuyển giao công nghệ; quy định yêu cầu bắt buộc về chất lượng của các dự án FDI tùy theo lĩnh vực và địa bàn đầu tư; quy định về trình độ công nghệ dự án FDI cho từng ngành theo địa bàn đầu tư. Đối với các đô thị có mật độ công nghiệp cao sẽ hạn chế tối đa thu hút FDI có hàm lượng công nghệ thấp, gây ô nhiễm ở mức độ nhất định và tỷ trọng gia công cao.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các dự án FDI, kiên quyết thu hồi giấy phép đầu tư những dự án chưa triển khai nhưng đã quá thời hạn quy định mà chủ đầu tư không có năng lực tài chính; những dự án không phù hợp với định hướng mới, như hạn chế về công nghệ, tiêu tốn năng lượng, gây ô nhiễm môi trường,...

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về dòng vốn FDI kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát các luồng vốn FDI vào - ra, đáp ứng yêu cầu của công tác phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất khu vực trong nước

- Hỗ trợ liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng nguồn nguyên vật liệu, những doanh nghiệp có tiềm lực về vốn. Việc tăng cường liên kết này một mặt tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước phát triển, mặt khác tạo nguồn nguyên liệu ổn định, bảo đảm về mặt chất lượng cũng như khối lượng một cách lâu dài. Đây là một yếu tố hết sức quan trọng giúp cho doanh nghiệp ổn định được nguồn hàng, đảm bảo ổn định

sản xuất, giảm những chi phí do nhập khẩu nguyên vật liệu với giá cao, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước thực hiện các biện pháp tăng cường về đầu tư theo chiều sâu để nâng cao trình độ, hiện đại của công nghệ sản xuất thông qua chính sách khuyến công, chính sách theo Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016 - 2020.

- Tuyên truyền, vận động và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các biện pháp nâng cao trình độ sử dụng hợp lý tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh, thực hiện sản xuất sạch hơn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường các biện pháp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, và đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động làm việc tại doanh nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế; hỗ trợ xây dựng các hệ thống về quản lý tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp, nhất là các nhà cung ứng công nghiệp hỗ trợ thông qua thiết lập một cơ sở dữ liệu về công nghiệp hỗ trợ, thông tin về các tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, sản xuất của từng nhóm nước để giúp giảm tình trạng thiếu thông tin và mở rộng giao dịch giữa nhà lắp ráp nước ngoài và nhà cung cấp trong nước; đồng thời, dần tạo dựng một cơ sở dữ liệu tốt giúp giảm chi phí giao dịch và thời gian.

C. Giải pháp thực hiện Chương trình

I. Giải pháp hoàn thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

1. Tiếp tục nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Đồng Nai, tập trung cải thiện toàn diện các yếu tố căn bản tác động tới môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ chế thực thi hệ thống pháp luật tạo điều kiện cho kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các loại hình doanh nghiệp.

2. Tiếp tục rà soát, rút ngắn tối đa thời gian đăng ký, cấp phép đầu tư, thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, cấp điện sản xuất và các thủ tục khác để dự án sớm đi vào hoạt động. Rà soát chuẩn hóa các quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý, thẩm quyền giải quyết của ngành, địa phương, bảo đảm 100% thủ tục hành chính được chuẩn hóa, kịp thời công bố, công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương và niêm yết đồng bộ, thống nhất tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

3. Tiếp tục thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" trong việc giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư,...; nghiên cứu xây dựng cơ chế "một cửa liên thông" hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 4 trên Cổng thông tin các Sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Công khai, minh bạch các thủ tục đầu tư, kinh doanh, các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành. Thực hiện tốt việc hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác khảo sát địa điểm, giải phóng mặt bằng và bàn giao đất cho nhà đầu tư. Rà soát các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý chậm triển khai, không đảm bảo tiến độ đã cam kết, để tham mưu UBND tỉnh có biện pháp tháo gỡ hoặc xử lý theo quy định.

5. Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản, cơ chế, chính sách đã ban hành liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho doanh nghiệp; nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp; phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết kịp thời vướng mắc cho các doanh nghiệp, đồng thời quản lý tốt hơn doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh; tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp; tăng cường sự trợ giúp pháp lý, tạo sự cam kết, nhất quán và định hướng dài hạn trong môi trường đầu tư của doanh nghiệp.

6. Tổ chức đối thoại công khai định kỳ ít nhất 04 lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp;

7. Thành lập và công khai đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp.

II. Giải pháp về đầu tư và thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp

1. Thực hiện thu hút đầu tư theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 09/7/2014 của UBND tỉnh ban hành danh mục dự án thuộc ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư, thu hút đầu tư có điều kiện và tạm dừng thu hút đầu tư.

2. Giải pháp về hoạt động xúc tiến đầu tư

a) Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức xúc tiến đầu tư; gửi các tài liệu ấn phẩm xúc tiến đầu tư của tỉnh thông qua đại diện ngoại giao và Bộ Kế hoạch và đầu tư tại các Đại sứ quán của Việt Nam ở nước ngoài để tuyên truyền, quảng bá và mời gọi đầu tư. Tăng cường trao đổi thông tin với tham tán Đại sứ quán của Việt Nam phụ trách xúc tiến đầu tư tại các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc... để làm cầu nối tuyên truyền, quảng bá, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư tại các quốc gia mục tiêu.

b) Nâng cấp các trang thông tin điện tử của địa phương và kịp thời đăng tải thông tin cho nhà đầu tư bằng nhiều ngôn ngữ như tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật,...; đồng thời thường xuyên cập nhật thông tin cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động đầu tư nhằm cung cấp thông tin kịp thời đến nhà đầu

tư trên các lĩnh vực có nhiều tiềm năng, thế mạnh như: đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp, sản xuất công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chủ lực,... để hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác khảo sát thị trường và quyết định đầu tư tại địa phương.

c) Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư cho từng giai đoạn; rà soát danh mục dự án mời gọi đầu tư để bổ sung kịp thời những thông tin chi tiết đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu thông tin cho nhà đầu tư.

d) Xây dựng kế hoạch và cơ chế riêng để tiếp cận một số tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước, các nhà đầu tư tiềm năng; các đối tác trọng điểm, tiếp cận và vận động các công ty, tập đoàn lớn có thực lực về tài chính - công nghệ cao để xúc tiến đầu tư các dự án trọng điểm của tỉnh.

đ) Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ; Duy trì đối thoại thường xuyên với các nhà đầu tư nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án đang hoạt động, đảm bảo các dự án hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ và nhằm tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh tại địa phương, tạo hiệu ứng lan tỏa và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới.

e) Tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và chú trọng hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế trong công tác đào tạo, để tiếp tục nâng cao trình độ về kỹ năng xúc tiến đầu tư, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu.

g) Mở rộng quan hệ hợp tác có chọn lọc với nhiều địa phương của các quốc gia trên thế giới, trong đó chú trọng các đối tác trọng điểm như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... thông qua các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện kinh tế, ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài để tiếp cận và thiết lập quan hệ với các công ty đa quốc gia, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới.

h) Hàng năm, thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nếu có.

III. Giải pháp về quy hoạch và quản lý quy hoạch

1. Đối với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật công nghiệp

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu, phân khu công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh, nhằm khai thác năng lực và nguồn vốn của các nhà đầu tư trong nước. Cụ thể:

a) Đối với các khu công nghiệp: Tiếp tục huy động đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng các khu công nghiệp đã hoạt động, tiếp tục xây dựng các khu công nghiệp mới có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ trong và ngoài hàng rào, có các dịch vụ, tiện ích phục vụ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và công nhân trong khu công nghiệp. Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng trong và ngoài các khu công nghiệp thuộc danh mục quy hoạch khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Đối với 03 phân khu công nghiệp hỗ trợ: Tiếp tục triển khai hoàn chỉnh hạ tầng 03 phân khu công nghiệp hỗ trợ và triển khai thu hút nhà đầu tư thứ cấp thuê đất tại phân khu công nghiệp hỗ trợ.

c) Đối với các cụm công nghiệp: Tổ chức làm việc với các nhà đầu tư và địa phương đối với các cụm công nghiệp đã có chủ đầu tư nhưng chưa triển khai xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp hoặc đang triển khai để thúc đẩy tiến độ triển khai hạ tầng cụm công nghiệp. Đồng thời, phối hợp với địa phương tích cực mời gọi nhà đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đối với các cụm chưa có chủ đầu tư.

2. Đối với quy hoạch chuyên ngành công nghiệp

a) Hằng năm rà soát, đánh giá các quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt, đề xuất điều chỉnh, bổ sung hoặc xây mới các quy hoạch chuyên ngành hiện hành khi không còn phù hợp.

b) Hướng dẫn các địa phương ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ xây dựng kế hoạch thu hút đầu tư theo quy hoạch. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thúc đẩy liên kết phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để hình thành vùng nguyên liệu phục vụ cho phát triển ngành chế biến nông sản thực phẩm của tỉnh Đồng Nai theo hướng hài hòa, đồng bộ với các tỉnh, thành phố trong Vùng.

3. Triển khai chính sách hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp và đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định trình tự thủ tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, nhằm góp phần huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp theo quy hoạch, mở rộng một số cụm công nghiệp nằm trong quy hoạch, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của địa phương và nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình hội nhập kinh tế.

IV. Giải pháp phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

1. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kịp thời các chủ trương, cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương về quản lý và phát triển khoa học và công nghệ.

2. Hằng năm, triển khai đánh giá trình độ công nghệ sản xuất theo các nhóm ngành công nghiệp, để có cơ sở đề xuất định hướng và một số chính sách nâng cao trình độ công nghệ cho các ngành công nghiệp, góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.